

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2024

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiên Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Xuyên và ông Nguyễn Đức Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/04/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/07/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T; sinh năm: 1981

Địa chỉ: tổ F, khu C, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng Q; sinh năm: 1972

Địa chỉ: tổ F, khu C, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/03/2024, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Hồng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại tổ F, khu C, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì thường xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau nguyên nhân chính do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Q hay rượu chè, chửi bới vợ, đe đánh, giết chị, bản thân con trai chị cũng nhiều lần chứng kiến việc anh Q đe dọa chị. Hiện tại hai vợ chồng chị đã ly thân nhưng vẫn

chung sống cùng nhà, không ai quan tâm đến ai. Gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Q đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn gắn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hồng Q.

Về con chung: chị và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Hồng N sinh năm 1999 (đã thành niên) và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 23/02/2010. Khi ly hôn chị đề nghị anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Gia Huy và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/01 tháng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: chị T và anh Q có tài sản chung nhưng tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị T và anh Q không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/5/2024, bị đơn anh Nguyễn Hồng Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: quá trình tìm hiểu và kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nhất nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, bản thân anh cũng thỉnh thoảng rượu chè cùng bạn bè và có lời ra tiếng vào chửi vợ. Hai vợ chồng đã sống ly thân nhưng vẫn chung sống cùng nhà. Bản thân anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T thực sự không còn nhưng vì các con còn nhỏ anh Q muốn hai vợ chồng hàn gắn để nuôi dạy con cái, nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: anh Q và chị T có 02 con chung là Nguyễn Hồng N sinh năm 1999 (đã thành niên) và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 23/02/2010. Khi ly hôn anh Q đồng ý với quan điểm nuôi con chung của chị T.

Về tài sản chung: anh Q và chị T có tài sản chung nhưng tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh Q và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - Ông Phạm Đình K là khu trưởng khu C, phường T, thành phố U cung cấp sự việc: Anh Q và chị T là công dân cư trú tại khu C, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, anh Q hay rượu chè chửi bới vợ con. Vợ chồng chị T có 02 con chung, hiện nay con chung đang sống cùng với bố mẹ. Hai vợ chồng chị T đều có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con. Nay chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí cháu H có nguyện vọng được ở với bố vì bố cháu có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu tốt hơn mẹ cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng Q; Giao con chung Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 23/02/2010 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 08/2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/ 1 tháng.

Về tài sản chung: không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” các đương sự có nơi cư trú tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Hồng Q được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Hồng Q kết hôn vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh Q không có hạnh phúc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng cùng nhau gỡ bỏ mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết xin ly hôn anh Q. Bản thân anh Q khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, tuy nhiên trong thời gian Tòa án giải quyết anh Q vẫn tiếp tục uống rượu, không tìm hướng để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng.

Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, tình vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với thực tế và có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Chị T và anh Q có 02 con chung tên là Nguyễn Hồng N sinh năm 1999 (đã thành niên) và Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 23/02/2010. Quá trình giải quyết chị T và anh Q thỏa thuận anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Gia H1, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/01 tháng (hai triệu đồng một tháng) đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Sự thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con chung phù hợp với các quy định tại Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề tài sản và nợ chung.

[3] **Về án phí**: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] **Quyền kháng cáo**: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hồng Q.

Tuyên xử:

1. Chị Đặng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng Q.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Hoàng Gia H1, sinh ngày 23/02/2010 cho anh Nguyễn Hồng Q trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Đặng Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/01 tháng (Hai triệu đồng một tháng). Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Đặng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

3. Về án phí: chị Đặng Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) bao gồm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002618 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP Uông Bí;
- UBND phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thiên Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Xuyên Nguyễn Đức Thủy

Vũ Thị Thiên Nga

